

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:48/2020/HS-ST

Ngày 18-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Bích T, sinh năm 1998. Tên gọi khác: Không có; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Bích C và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/3/2020 đến 01/4/2020; hiện tại ngoại, có mặt.

2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không có; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh B; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; văn hoá: 10/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn S và bà Vũ Thị S; có chồng: Tạ Duy T, sinh năm 1991; bị cáo có 4 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 23/3/2020 đến 01/4/2020; hiện tại ngoại, có mặt.

- ***Bị hại:*** Anh Trần Văn V, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ry, xã Vô Tranh, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Bích C, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI S VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội S vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Bích T và Nguyễn Thị D là bạn bè và cùng thuê trọ tại thôn Mới, xã T, huyện L. Khoảng 13 giờ ngày 14/3/2020, T và D đang ở phòng trọ thì anh Nguyễn Văn Việt, sinh năm 1983, trú tại thôn Nhân Lý, xã T, huyện L (là chú họ của T) điện thoại nhờ T đến nhà anh Trần Văn V, sinh năm 1970 ở thôn Ry, xã Vô Tranh, huyện L gặp Việt để Việt đưa tiền nhờ T đem đi trả nợ. Sau đó T đi xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, BKS 89E1-144.92 là xe T mượn của ông Nguyễn Bích C, sinh năm 1963 (là bố đẻ T) chở D cùng đi đến nhà anh V. Khi đến sân nhà anh V thì T thấy nhà anh V đóng cửa, T không thấy anh Việt đâu nên điện thoại hỏi thì anh Việt bảo T chờ một lúc. Trong lúc chờ anh Việt để lấy tiền T và D quan sát thấy ở ngoài sân nhà anh V có khoảng 5 đến 6 chiếc xe mô tô, trong đó có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE anpha, màu xanh đen bạc, BKS 98F1-253.61, số khung 3919KY328097; số máy: JA39E1193090 là xe của anh V, xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện. T ra vị trí chiếc xe BKS 98F1-253.61, rút chìa khóa ở ổ điện rồi T mở cốp xe thấy bên trong cốp có 01 giấy đăng ký xe BKS 98F1-253.61 mang tên anh Trần Văn V. T cầm giấy đăng ký xe giơ lên cho D xem. D chỉ cười và không nói gì. T lại để giấy đăng ký xe vào cốp và cắm chìa khóa vào ổ điện như cũ. Khoảng 5 phút sau, T thấy anh V ra mở cửa. T và D đi vào trong nhà gặp anh Việt và được anh Việt đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng nhờ T đem đến trả cho anh Nguyễn Văn Thiệp, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã T, huyện L. Sau đó T chở D đi, trên đường đi T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên của anh V nên T nói với D “tý quay lại lấy xe”, D đồng ý. Sau đó T chở D về phòng trọ, còn T đi một mình đến nhà anh Thiệp để trả tiền hộ anh Việt.

Khoảng 15 giờ cùng ngày, T quay lại phòng trọ chở D đến nhà anh V mục đích lấy trộm chiếc xe mô tô BKS 98F1-253.61. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T và D đi đến cổng nhà anh V, T đỗ xe ngoài đường và bảo D “Mày đi vào lấy dong ra cổng xong tao đi cho”. D đi bộ vào sân rồi lại đi ra 2 lần không dám lấy, D đi ra cổng thì T nói “mày đứng ở xe trông, để tao vào tao lấy”. T đi vào sân dong chiếc xe BKS 98F1-253.61 ra cổng rồi bảo D đi còn T đi chiếc xe BKS 89E1-144.92 của T cùng về phòng trọ. Trên đường đi, T và D đỗ xe lại, T dùng tay tháo hai chiếc gương chiếu hậu của chiếc xe BKS 98F1-253.61 ra để vào trong cốp xe. Khi về đến phòng trọ, do sợ bị lộ T tháo chiếc BKS 98F1-

253.61 để vào trong cốp xe, đồng thời lấy 02 chiếc gương đã tháo trước đó và lấy giấy đăng ký xe mang tên anh V mang về nhà mình ở thôn C, xã T, huyện L cất giấu. Còn chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được T để lại phòng trọ. Ngày 17/3/2020, T và D mang xe trộm cắp đi tiêu thụ nhưng không tiêu thụ được. Ngày 19/3/2020, T mang chiếc xe BKS 98F1-253.61 ra quán nhà anh Trần Văn T, sinh năm 1981 ở thôn C, xã T, huyện L nhờ anh T tháo rời từng bộ phận của chiếc xe ra để sửa, mục đích là để không bị lộ và T gửi xe mô tô này lại ở quán nhà anh T.

Căn cứ vào lời khai của T, ngày 23/03/2020 Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ toàn bộ phụ tùng, linh kiện của chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE anpha, màu xanh đen bạc, BKS 98F1-253.61, số khung 3919KY328097; số máy: JA39E1193090 tại nhà anh T.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 25/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện L, kết luận: 01 chiếc xe mô tô Honda, loại xe WAVE anpha, màu xanh đen bạc, BKS 98F1-253.61 trị giá 17.010.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 15/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Nguyễn Bích T và Nguyễn Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo khai: Các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy BKS 98F1-253.61 của anh V, trị giá 17.010.000 đồng như cáo trạng nêu là hoàn toàn đúng.

Đại diện VKSND huyện L, thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, đã đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bích T và Nguyễn Thị D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Điều 17, 58 và Điều 65 của BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Bích T từ 12-15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24-30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 09-12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18-24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh V là bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T, D xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội S vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo thống nhất và phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ ngày 14/03/2020, Nguyễn Bích T, Nguyễn Thị D đến nhà anh Trần Văn V, sinh năm 1970 ở thôn Ry, xã Vô Tranh, huyện L, tỉnh Bắc Giang thấy có nhiều xe mô tô dựng ở sân, không có người trông coi nên T rủ D trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, D đứng ngoài cánh giới còn T vào sân nhà anh V lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Honda, loại xe WAVE anpha, màu xanh đen bạc, BKS 98F1-253.61, có trị giá 17.010.000 đồng của gia đình anh V.

[3] Khi thực hiện hành vi các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương nên cần xử phạt các bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người chủ động rủ rê và là người trực tiếp lén lút trộm cắp tài sản nên có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D đứng ngoài cánh giới là đồng phạm có vai trò sau.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hậu quả gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đều ra đầu thú. Bị cáo T được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy: Các bị cáo đều phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS nên cho các bị cáo hưởng

lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng đủ sức giáo dục các bị cáo trở T công dân tốt.

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng do bị cáo T thuộc hộ nghèo. Bị cáo D không có việc làm ổn định, không có tài sản nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh V là bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[9] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, BKS 89E1-144.92, T dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Nguyễn Bích C. Ông C không biết T sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[10] Đối với số vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho anh Trần Văn V toàn bộ phụ tùng, linh kiện của chiếc xe mô tô BKS 98F1-253.61, 01 giấy đăng ký xe mang tên Trần Văn V; trả cho ông Nguyễn Bích C: 01 mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Dream, BKS 89E1-144.92, 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đức T; trả cho Nguyễn Bích T: 01 điện thoại di động Iphone 8, màu vàng gold, bên trong lắp sim số 0368720345; trả cho Nguyễn Thị D: 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng đồng. Anh V, ông C, T, D đã nhận lại tài sản và không ai có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo T thuộc hộ nghèo không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58 Điều 65 của BLHS.

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Bích T và Nguyễn Thị D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Nguyễn Bích T 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt: Nguyễn Thị D 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Điều 231, Điều 234 BLTTHS. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T không phải chịu án phí HSST, Bị cáo D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS, CA, THA huyện L;
- Bị cáo, các đương sự;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh B;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Minh Hải

Nguyễn Xuân chung

Tạ Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ